

Một số mô hình giáo dục trực tuyến trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam

Phan Thị Bích Lợi¹, Nguyễn Thị Kiều Oanh²

¹ Email: phanloi99@gmail.com

² Email: kieuoanhgdpt@gmail.com

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết nghiên cứu về quan niệm và một số mô hình giáo dục trực tuyến trên thế giới để thấy được các thành tố đặc trưng, không thể thiếu khi triển khai giáo dục trực tuyến. Với mô hình TPAC, một mô hình thể hiện chức năng của các thành tố, bao gồm Công nghệ, Con người, Đánh giá và Nội dung nằm trong hệ thống quản lý và chính sách. Khi triển khai giáo dục trực tuyến, bất kỳ nước nào, tổ chức nào cũng đều phải xem xét các yếu tố này và Việt Nam cũng vậy. Bên cạnh đó, Blended learning là mô hình triển khai giáo dục trực tuyến phù hợp. Việt Nam có thể vận dụng mô hình này vào thực tiễn để thấy được dạy học trực tuyến đóng vai trò như một hình thức bổ sung cho dạy học trực tiếp.

TỪ KHÓA: Giáo dục trực tuyến; mô hình giáo dục trực tuyến.

→ Nhận bài 05/10/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 29/10/2020 → Duyệt đăng 25/11/2020.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục trực tuyến (GDTT) đang trở thành một xu thế tất yếu của thời đại 4.0, thời đại mà trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, môi trường ảo, ... trở nên quen thuộc và có mặt trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Việc nghiên cứu một số mô hình GDTT thành công trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm và vận dụng vào triển khai tại Việt Nam là một việc làm cần thiết, nhất là trong giai đoạn triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm về giáo dục trực tuyến

Có nhiều khái niệm liên quan và trong nhiều bối cảnh có nghĩa tương đồng với GDTT như đào tạo trực tuyến, dạy học trực tuyến, học tập điện tử, ...

Theo báo cáo của Trung tâm Công nghệ giáo dục (GD) – Bộ GD Hoa Kỳ [1]: *Học trực tuyến được quan niệm là học diễn ra một phần hoặc toàn bộ khóa học thông qua Internet*. Quan niệm này loại trừ GD thông qua chương trình phát sóng truyền hình hoặc đài phát thanh, hội nghị truyền hình, video truyền hình và phần mềm GD độc lập hoặc các chương trình không có thành phần giảng dạy dựa trên Internet.

Theo tài liệu nghiên cứu về GDTT tại Hoa Kỳ của Elaine Allen [2] thống nhất cách hiểu về GDTT dựa vào *tỉ lệ phần trăm nội dung giảng dạy trực tuyến*. Cụ thể, các khóa học trực tuyến là những khóa học trong đó ít nhất 80% nội dung khóa học được giảng dạy trực tuyến. Quan niệm này đồng nhất với quan niệm về GDTT được nêu trong trang web của Cục Quản lý kỹ năng Úc thuộc Chính phủ Úc (<https://www.asqa.gov.au/>). Còn những khóa học có nội dung dạy học trực tuyến nằm trong khoảng từ 30% đến 79% được gọi là học tập kết hợp (Blended learning).

Tài liệu *Hướng dẫn lập kế hoạch cho học tập kết hợp và trực tuyến* [3] của trường học ảo Michigan quan niệm đầy đủ hơn cả: *Học trực tuyến là hình thức học tập với sự hướng dẫn của giáo viên (GV) chủ yếu thông qua internet, bao gồm các phần mềm để cung cấp môi trường học tập có cấu trúc và ở đó, học sinh (HS) và GV tách biệt nhau về mặt địa lý*. Nó có thể là đồng bộ hoặc không đồng bộ, người dùng có thể truy cập từ nhiều không gian khác nhau. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với quan niệm trong tài liệu của trường học ảo Michigan đưa ra. Quan niệm này thể hiện một cách hiểu tương đối toàn diện về GDTT, thể hiện vai trò của người dạy, người học, internet, phần mềm và phải nằm trong môi trường học tập có cấu trúc, người dạy và người học có thể tương tác đồng bộ hoặc không đồng bộ.

2.2. Một số mô hình giáo dục trực tuyến trên thế giới

Theo nghiên cứu của chúng tôi, có rất nhiều mô hình lý thuyết và mô hình triển khai GDTT được các nhà khoa học trên thế giới đưa ra theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Có thể kể ra một số mô hình điển hình như sau:

- Mô hình Cộng đồng khám phá CoI (Community of Inquiry) của Garrison, Anderson & Archer (2000) [4] dựa trên khái niệm về ba “sự hiện diện” riêng biệt gồm nhận thức, xã hội và giảng dạy.

- Mô hình kết nối (Connection model) của George Siemens đề xuất năm 2004 [5], nói về sự kết nối thông tin trong học tập.

- Mô hình học tập hợp tác trực tuyến OCL (Online Collaborative Learning) do Linda Harasim đề xuất vào năm 2012 [6], tập trung vào các phương tiện của Internet để cung cấp môi trường học tập thúc đẩy sự cộng tác và xây dựng kiến thức.

- Mô hình Đa phương thức của Picciano (2017) [7]

nói về mối liên hệ và vai trò của các thành tố trong dạy học trực tuyến gồm: (Content- Nội dung, Collaborative Learning – Học tập hợp tác, Dialectics/Questioning – Thảo luận/đặt câu hỏi, Reflection- Phản ánh, Social Emotional – Cảm xúc xã hội, Evaluation/Assessment – Kiểm tra/Đánh giá).

Ngoài các mô hình kể trên, còn một số mô hình khác về GDTT, về dạy học trực tuyến. Tuy nhiên, trong phạm vi bài báo này, chúng tôi phân tích sâu 2 mô hình gồm Blended learning và mô hình TPAC. Mô hình thứ nhất có ý nghĩa thể hiện cách thức triển khai, mô hình thứ hai thể hiện các điều kiện đảm bảo triển khai GDTT. Dựa trên hai mô hình này, chúng tôi đưa ra những bài học vận dụng cho việc triển khai GDTT trong giáo dục phổ thông ở Việt Nam.

Mô hình Blended learning (mô hình cách thức triển khai)

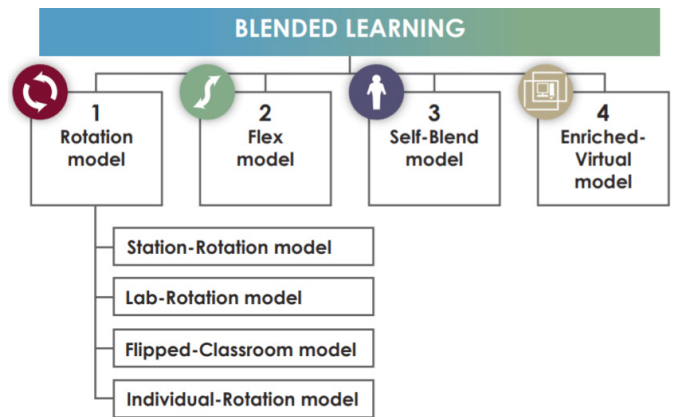
Nghiên cứu kinh nghiệm triển khai GDTT của một số nước trên thế giới (như Mỹ, Úc, Sing, Hồng Kông, Hàn Quốc,...) chúng tôi nhận thấy đa số các nước lựa chọn triển khai theo mô hình Blended learning (học tập kết hợp). Mô hình này kết hợp giữa dạy học trực tiếp và trực tuyến, học sinh (HS) vừa được trải nghiệm học tập trực tuyến, vừa được tham gia lớp học trực tiếp, tận dụng được ưu thế của cả hai phương thức học tập này, đồng thời hạn chế được nhược điểm của cả hai. Mô hình này được trình bày trong các văn bản chính thức của Bộ GD các nước về hướng dẫn dạy học trực tuyến.

Có nhiều cách trình bày khác nhau nhưng quan niệm về học tập kết hợp của Heather Staker và Michael B.Horn (2012) [8] được coi là đầy đủ nhất: “*Học tập kết hợp là một hình thức giáo dục chính qui trong đó người học nhận được một phần sự phân phối nội dung và hướng dẫn trực tuyến (dưới sự kiểm soát về thời gian, địa điểm, con đường và tốc độ học tập của HS) và một phần là trải nghiệm học tập theo lớp học trực tiếp*”. Quan niệm này cũng được sử dụng trong các văn bản chính thức hướng dẫn về dạy học trực tuyến của Bộ GD Mỹ.

Phân loại các mô hình học tập kết hợp

Học tập kết hợp được phân loại thành 4 mô hình (xem Hình 1). Trong đó, mô hình Rotation lại được chia nhỏ thành 4 mô hình con (theo Heather Staker và Michael B. Horn, 2012). Sự phân chia này mang ý nghĩa tương đối, vì thực tế, một số tác giả có những cách chia khác cho Blended learning.

Mô hình 1 - Mô hình luân chuyển (Rotation model): Một khóa học/môn học trong đó HS luân chuyển theo lịch trình đã định sẵn hoặc theo quyết định của GV giữa các phương thức học tập, ít nhất một trong số đó là học trực tuyến, học trực tiếp theo phương thức truyền thống vẫn là chủ đạo. HS chủ yếu học trong khuôn viên trường học, ngoại trừ bài tập về nhà. Trong mô hình luân chuyển lại được chia nhỏ thành bốn mô hình con bao gồm:



Hình 1: Sơ đồ phân loại mô hình học tập kết hợp

Luân chuyển trạm (Station Rotation): HS phải luân chuyển qua tất cả các trạm (các trạm trực tuyến và trực tiếp) theo lịch trình cố định, không chỉ những trạm tự chọn theo sở thích của HS.

Luân chuyển phòng thí nghiệm (Lab Rotation): HS luân chuyển đến phòng máy tính cho trạm học tập trực tuyến.

Lớp học đảo ngược (Flipped classroom): HS tham gia học trực tuyến trước khi đến lớp và sau đó tham gia vào lớp học trực tiếp để thực hành hoặc thực hiện dự án trực tiếp do GV hướng dẫn.

Luân chuyển cá nhân (Individual Rotation): Mỗi HS có một lộ trình học tập được cá nhân hóa và không nhất thiết phải luân chuyển theo tất cả các trạm theo phương thức cố sẵn. Một thuật toán hoặc GV đặt lộ trình cho của từng HS, dựa trên đặc điểm cá nhân hóa.

Mô hình 2 - Mô hình linh hoạt (Flex model): Học trực tuyến là xương sống của việc học tập của HS. HS di chuyển theo một lịch trình tùy chỉnh riêng, tùy chỉnh giữa các phương thức học tập. GV và HS tương tác theo thời gian thực và HS chủ yếu học trong khuôn viên trường học.

Mô hình 3 - Mô hình hỗn hợp cá nhân (Self-blend model): HS chọn thực hiện một hoặc nhiều khóa học hoàn toàn trực tuyến để bổ sung cho các khóa học trực tiếp truyền thống của họ. HS tự kết hợp một số khóa học trực tuyến theo nhu cầu cá nhân và tham gia các khóa học trực tiếp khác tại lớp học với các GV trực tiếp.

Mô hình 4 - Mô hình ảo (Enriched Virtual model): Một khóa học trực tuyến toàn trường, HS tham gia cả một lớp học truyền thống và lớp học trực tuyến. Nhiều chương trình học tập ảo bắt đầu bằng trường học trực tuyến toàn thời gian và sau đó phát triển các chương trình kết hợp để cung cấp cho HS trải nghiệm trường học truyền thống. Việc học diễn ra chủ yếu bên ngoài trường học truyền thống. HS không phải tham gia lớp học truyền thống hàng ngày trong tuần.

Các mô hình con này được phân chia một cách tương đối, chúng không loại trừ nhau. Khi triển khai dạy học, các trường học, các GV có thể sử dụng kết hợp các mô hình

này với nhau tùy theo điều kiện của từng cơ sở đào tạo.

Mô hình chức năng TPAC (mô hình điều kiện triển khai)

Tài liệu do Matthew Wicks và cộng sự viết trong báo cáo được xuất bản bởi *Hiệp hội Quốc tế về dạy học trực tuyến* cho K-12 của Mỹ [9] có trình bày về mô hình TPAC cho GDĐT. Mô hình TPAC được gọi tên theo chữ cái đầu của các thành tố cốt lõi, không thể thiếu của mô hình (xem Hình 2). Tham khảo mô hình này để chúng ta thấy được các điều kiện đảm bảo cần cho triển khai GDĐT.

Mô hình này gồm 3 vòng tròn thể hiện 3 tầng điều kiện để triển khai GDĐT:

Tầng thứ nhất liên quan đến chính sách: Bao gồm các quy định chung nhất để đảm bảo GDĐT có thể triển khai. Ở cấp quốc gia, các chính sách, thông tư ban hành nhằm hướng dẫn cũng như quy định các điều kiện triển khai GDĐT. Cụ thể, với một khóa học trực tuyến thì đó là các quy định về điều kiện ghi danh của HS, quy định học phí, tài trợ,...

Tầng thứ hai liên quan đến vấn đề quản lý và dịch vụ hỗ trợ HS: Gồm các yếu tố quản lý và hỗ trợ HS học tập trên môi trường trực tuyến, hỗ trợ công nghệ, gia sư trực tuyến, tư vấn, giải đáp các thắc mắc của HS sao cho HS không gặp bất cứ khó khăn gì với công nghệ để học tập trực tuyến đạt hiệu quả cao nhất.

Tầng thứ ba liên quan đến các thành tố cốt lõi của mô hình gồm Công nghệ, Con người, Đánh giá và Nội dung. Trung tâm của mô hình là người học thể hiện quan niệm dạy học trực tuyến lấy người học là trung tâm, mọi quyết định sư phạm, nội dung dạy học, kiểm tra đánh giá,... đều hướng đến sự phù hợp và thích ứng với cá nhân người học. Cụ thể các thành tố của mô hình bao gồm:

“T”- Technology and Platforms: Nền tảng công nghệ và các công cụ để dạy học, kết nối, cộng tác và giao tiếp; Hệ thống quản lý học tập, môi trường học tập ảo; Cơ sở

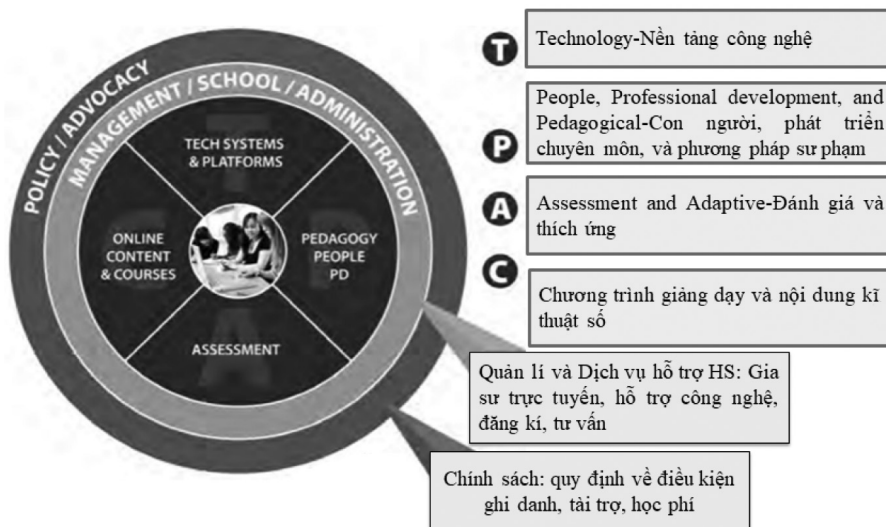
hạ tầng đường truyền internet. Đây là yếu tố không thể thiếu khi nói đến GDĐT.

“P”- People, Professional development, and Pedagogical: Con người, phát triển chuyên môn, và phương pháp sư phạm, dạy học lấy HS làm trung tâm. Trong đó sử dụng công nghệ, dữ liệu để hướng dẫn và truyền tải nội dung kỹ thuật số hấp dẫn. GV cần có các kỹ năng mới để dạy học trực tuyến; Quản trị viên cũng cần có các kỹ năng mới để quản lý dạy học trực tuyến. *Phát triển chuyên môn* được hiểu là quá trình đào tạo, bồi dưỡng dành cho GV cũng được thực hiện tối đa qua hình thức trực tuyến.

“A” – Assessment and Adaptive: Đánh giá điện tử, đánh giá dựa trên dữ liệu. Các phương pháp đánh giá chứng minh sự hoàn thành khóa học, bao gồm đánh giá dựa trên hiệu suất, đánh giá quá trình và đánh giá thích ứng theo dữ liệu, để cải thiện và cá nhân hóa quá trình dạy học. *Thích ứng* được hiểu là sự điều chỉnh cho phù hợp giữa trình độ và hứng thú của người học với nội dung và đánh giá điện tử. Yếu tố này đáp ứng cá nhân hóa quá trình học tập.

“C” – Content and Curriculum: Gồm chương trình giảng dạy và nội dung kỹ thuật số. Chương trình giảng dạy được số hóa và điều chỉnh cho phù hợp với môi trường công nghệ. Nội dung dạy học đa dạng từ các nguồn khác nhau như video, bài giảng trực tuyến, tài liệu tham khảo có sẵn các đường link,...

Mô hình TPAC là một cách tiếp cận tổng thể gồm chức năng của các tầng chính sách, tầng quản lý và tầng các yếu tố cốt lõi (gồm công nghệ, con người, nội dung, đánh giá). Để chuẩn bị triển khai dạy học trực tuyến, ta cần xem xét tất cả các yếu tố đó, phân tích tình trạng hiện có và đưa ra giải pháp cho những thành tố chưa đảm bảo. Nếu thiếu bất kỳ một yếu tố nào thì khó có thể triển khai thành công GDĐT.



Hình 2: Mô hình TPAC cho GDĐT – Mô hình theo chức năng

2.3. Đề xuất cho triển khai giáo dục trực tuyến tại Việt Nam

Qua nghiên cứu mô hình *cách thức triển khai* và *điều kiện triển khai* GDTT ở trên, chúng tôi nhận thấy rằng mô hình Blended learning hoàn toàn phù hợp với bối cảnh Việt Nam hiện nay, tuy nhiên về mức độ vận dụng còn tùy thuộc vào điều kiện từng địa phương, từng cơ sở giáo dục. Bên cạnh đó, để triển khai GDTT không thể không xét đến các điều kiện đảm bảo, chúng tôi vận dụng mô hình TPAC trong việc đề xuất các giải pháp để chuẩn bị các điều kiện triển khai GDTT.

Chúng tôi dựa theo ba căn cứ chính sau để đưa ra đề xuất, đó là: dự thảo thông tư “Quy định quản lý tổ chức dạy học trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục phổ thông” của BGD&ĐT; Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Điều kiện thực tế của Việt Nam (điều kiện kinh tế - xã hội, hạ tầng CNTT, thiết bị, trình độ GV, HS).

Từ các mô hình và căn cứ như trên, chúng tôi đề xuất triển khai GDTT trong trường phổ thông Việt Nam theo các điểm trọng tâm gồm: Vận dụng mô hình Blended Learning; Vận dụng trong tổ chức dạy học tự chọn ở THPT; Vận dụng mô hình chức năng TPAC trong việc chuẩn bị các điều kiện triển khai GDTT. Cụ thể như sau:

a. Vận dụng mô hình Blended Learning

Đầu tiên cần khẳng định rằng mô hình lớp học truyền thống vẫn là chủ đạo, dạy học trực tuyến không thể thay thế dạy học trực tiếp trong hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Vì bên cạnh những lợi ích mà dạy học trực tuyến mang lại thì còn những hạn chế, thách thức không thể phủ nhận như yêu cầu về chi phí, nền tảng công nghệ cao, hạn chế ở mặt giao tiếp xã hội, không hiệu quả đối với những HS thiếu động lực và tự giác,... Ở đây, việc vận dụng mô hình Blended learning có ý nghĩa “tận dụng” lợi thế của cả hai phương thức dạy học trực tiếp và trực tuyến. Tuy nhiên, việc lựa chọn một số mô hình con trong Blended learning để triển khai lại tùy thuộc điều kiện thực tế của từng địa phương, từng trường cũng như năng lực của GV và HS. Ngoài ra, việc vận dụng Blended learning có thể chia ra thành các mức độ dựa trên điều kiện thực tế của từng vùng:

Mức 1 – mức bổ sung: Với vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn, để triển khai dạy học trực tuyến thì tối thiểu phải có 1 phòng thực hành máy tính hoặc thiết bị thông minh (điện thoại thông minh, máy tính bảng đủ để phục vụ cho một lớp học đồng thời) có kết nối internet. GV có thể vận dụng mô hình *Luân chuyển phòng thí nghiệm*, tức là các giờ học trực tiếp vẫn diễn ra bình thường, chỉ khi tiết học trực tuyến thì HS di chuyển đến phòng thực hành máy tính hoặc sử dụng thiết bị thông minh để học trực tuyến. Hình thức này phù hợp với các giờ học ngoại ngữ (thực hành nghe, nói) hoặc thực hành với các phần mềm mô phỏng ảo trong các tiết thực hành trong các môn Khoa học tự nhiên.

Mức 2 – mức thay thế một phần: Mức này phù hợp với vùng có điều kiện hạ tầng công nghệ tốt hơn, được

trang bị thiết bị thông minh, máy tính đầy đủ hơn và HS có cơ hội sử dụng máy tính/thiết bị thông minh ở nhà để học tập. Một số nội dung và hoạt động học tập trực tiếp được thay thế bằng học trực tuyến. Ví dụ, hoạt động hình thành kiến thức, HS có thể xem các bài giảng trực tuyến, còn hoạt động thực hành, vận dụng được tổ chức trực tiếp dưới sự hướng dẫn của GV trên lớp.

Mức 3 - thay thế phần lớn: Mức này phù hợp với vùng kinh tế phát triển. Ngoài các điều kiện như mức 2 thì nhà trường cần phát triển hệ thống quản lý học tập LMS hiệu quả, trình độ GV và HS cũng phải được bồi dưỡng để có các năng lực cần thiết đáp ứng mức độ thay thế của dạy học trực tuyến cho dạy học trực tiếp. Ở mức độ này, GV có thể vận dụng mô hình lớp học đảo ngược, HS sẽ học lí thuyết trước khi đến lớp, thời gian trên lớp chủ yếu dành cho tương tác trực tiếp giữa GV-HS, HS-HS và thảo luận, giải đáp,...

Tuy nhiên, việc vận dụng mức độ nào trong các mức độ trên còn tùy thuộc rất nhiều vào năng lực GV, HS, nội dung, tài nguyên, đánh giá trực tuyến,... chứ không chỉ là các điều kiện về vật chất và công nghệ.

b. Vận dụng trong tổ chức dạy học tự chọn ở THPT

Nội dung giáo dục cấp THPT gồm các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn, các chủ đề tự chọn. Việc lựa chọn các chủ đề, các môn học phụ thuộc vào sở thích và định hướng nghề nghiệp của HS, còn việc tổ chức dạy học các môn/chủ đề lại phụ thuộc vào điều kiện từng trường.

Theo kết quả nghiên cứu năm 2019 của đề tài “Nghiên cứu mô hình tổ chức dạy học phát triển năng lực học sinh THPT thực hiện Chương trình GDPT mới (thực hiện việc tự chọn môn học theo định hướng nghề nghiệp)” của nhóm nghiên cứu thuộc TTPTBVCLGDPT Quốc gia, đã liệt kê ra được **108 tổ hợp** tự chọn mà HS có thể lựa chọn. Với số lượng lớn các tổ hợp như vậy, có thể xảy ra trường hợp có những chuyên đề/môn học chỉ có một vài HS lựa chọn. Vậy việc tổ chức triển khai như thế nào cho thuận tiện và hiệu quả là một bài toán khó mà chưa có giải pháp thỏa đáng.

Cũng theo kết quả nghiên cứu của đề tài trên thì việc triển khai dạy học tự chọn cho những môn ít HS lựa chọn thì phương án ứng dụng CNTT/dạy học trực tuyến là khả thi hơn cả. Nhà trường sẽ quản lý HS tham gia các khóa học trực tuyến này bằng hệ thống quản lý học tập của toàn trường. HS chọn các môn học/chủ đề tự chọn theo sở thích và nguyện vọng của mình mà không ảnh hưởng đến lịch học các môn học bắt buộc theo thời khóa biểu chung toàn trường. HS có thể học thêm các khóa học khác nằm ngoài các khóa học tự chọn tối thiểu mà HS cần hoàn thành, hoặc HS cũng có thể học vượt cấp để hoàn thành trước thời hạn các khóa tự chọn và nhận chứng chỉ hoàn thành. Miễn sao sau khi học xong THPT, HS phải hoàn thành tối thiểu số lượng các môn học/chủ đề tự chọn được yêu cầu.

Bên cạnh đó, một khó khăn có thể xảy ra trong dạy

học tự chọn là tình trạng thiếu GV ở một số môn học có số lượng HS chọn quá đông. Dạy học trực tuyến cũng là một giải pháp phù hợp cho vấn đề này.

c. *Vận dụng mô hình chức năng TPAC trong việc chuẩn bị các điều kiện triển khai GDTT*

Để triển khai GDTT, chúng ta cần chuẩn bị các điều kiện đảm bảo dựa trên mô hình TPAC, cụ thể là chuẩn bị các điều kiện theo ba tầng, gồm:

Chính sách: các chính sách, quy định của nhà nước cũng như của BGD, của các bên liên quan về công nhận kết quả dạy học trực tuyến, các chính sách đối với GV, HS,...

Quản lí: Quản lí về dạy và học trực tuyến, quản lí hệ thống dạy học LMS, quản lí chất lượng dạy học trực tuyến...

Tầng cốt lõi gồm: công nghệ, cơ sở vật chất, nhân lực (GV, HS, đội ngũ hỗ trợ kĩ thuật, quản lí hệ thống), nội dung chương trình, tài nguyên dạy học trực tuyến, kiểm tra đánh giá. Đây là những thành tố cốt lõi không thể thiếu khi tổ chức dạy học trực tuyến.

Đi vào thực tế triển khai GDTT diện rộng, chúng ta cần đánh giá thật chính xác các điều kiện và tình trạng hiện

có về chính sách, quản lí, cơ sở vật chất, năng lực GV và HS,... Từ đó làm căn cứ nghiên cứu đưa ra các giải pháp chi tiết và theo lộ trình cụ thể cho việc triển khai GDTT trong hệ thống giáo dục phổ thông.

3. Kết luận

GDTT thể hiện những ưu điểm và bước tiến vượt bậc về một hình thức dạy và học trong thời đại của công nghệ. Tuy nhiên, các nước còn gặp rất nhiều thách thức khi triển khai GDTT, điển hình là những thách thức về điều kiện hạ tầng công nghệ, chi phí, trình độ giáo viên, đảm bảo chất lượng nội dung, sự tương tác xã hội bị giảm sút, đạo đức và văn hóa trong môi trường mạng,... Để triển khai thành công GDTT tại Việt Nam thì chúng ta cần có những nghiên cứu sâu hơn để vận dụng cho phù hợp vì trong giai đoạn hiện nay, GDTT không thể thay thế hoàn toàn giáo dục truyền thống mà nó chỉ được coi là một hình thức dạy học mới, bổ sung cho giáo dục nhà trường truyền thống.

Tài liệu tham khảo

- [1] U.S. Department of Education, Office of Educational Technology (2010). *Understanding the Implications of Online Learning for Educational Productivity*.
- [2] Elaine Allen, (2011), *Going the Distance Online Education in the United States*.
- [3] Michigan virtual school, *Planning Guide for Online and Blended Learning*.
- [4] Garrison, D. R., Anderson, T., & Archer, W. (2000). *Critical inquiry in a text-based environment: Computer conferencing in higher education model*. The Internet and Higher Education, 2(2-3), 87-105.
- [5] Siemens, G. (2004). *Connectivism: A learning theory for the digital age*. Paper retrieved from: <http://www.elearnspace.org/Articles/connectivism.htm>
- [6] Harasim, L. (2012). *Learning theory and online technologies*. New York: Routledge/Taylor&Francis.
- [7] Picciano, A. G. (2017). *Theories and frameworks for online education: Seeking an integrated model*. *Online Learning*, 21(3), 166-190. doi: 10.24059/olj.v21i3.1225
- [8] Heather Staker, Michael B. Horn (2012). *Classifying K-12 Blended Learning*. Innosight Institute.
- [9] Matthew Wicks (2010), *A National Primer on K-12 Online Learning*. International Association for K-12 online learning
- [10] BGD&ĐT (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông - chương trình tổng thể*.
- [11] Dự thảo thông tư BGD&ĐT (2020), *Quy định quản lí tổ chức dạy học trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên*.

SOME MODELS OF ONLINE EDUCATION IN THE WORLD AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

Phan Thi Bích Loi¹, Nguyen Thi Kieu Oanh²

¹ Email: phanloi99@gmail.com

² Email: kieuoanhgdpt@gmail.com

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
52 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The article researches concepts and some models of online education in the world to discover distinctive and indispensable elements in implementing online education. Teacher Performance Assessment Consortium (TPAC) is known as a model which demonstrates functions of the elements, including Technology, People, Evaluation and Content within policy and management system. When implementing online education, these elements need to be taken into consideration in any country or any institution, and Vietnam should not be an exception. In addition, blended learning is a model of online education suitable for Vietnam to apply in practice to prove that online education can serve as a complementary type to face-to-face learning.*

KEYWORDS: Online education; online educational models.